

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 15 – 8 - 2025
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng
2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn S, sinh ngày 14/5/1988 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095088010652, cấp ngày 02/7/2021

Địa chỉ: Ấp I, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn S1, sinh ngày 02/7/1973 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095073000486, cấp ngày 20/4/2021

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh ngày 01/01/1971 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095071000567

Địa chỉ: Ấp D, xã P, tỉnh Cà Mau.

Bà Huỳnh Thị P, sinh ngày 01/01/1973 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095173000621

Địa chỉ: Ấp D, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024 và lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn SI trình bày: Bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D có mở dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/8/2019, gồm 41 chung, ông Đỗ Văn S tham gia 01 chung, đóng được 30 kỳ, cụ thể như sau:

- Lần 1, ngày 10/8/2019, đóng 800.000 đồng;
- Lần 2, ngày 20/9/2019, đóng 800.000 đồng;
- Lần 3, ngày 20/10/2019, đóng 650.000 đồng;
- Lần 4, ngày 20/11/2019, đóng 650.000 đồng;
- Lần 5, ngày 20/12/2019 đóng 650.000 đồng;
- Lần 6, ngày 20/01/2020 đóng 613.000 đồng;
- Lần 7, ngày 20/02/2020 đóng 650.000 đồng;
- Lần 8, ngày 20/03/2020 đóng 550.000 đồng;
- Lần 9, ngày 20/04/2020 đóng 600.000 đồng;
- Lần 10, ngày 20/04/2020 (do năm nhuận 2 tháng 4) đóng 800.000 đồng;
- Lần 11, ngày 20/5/2020 đóng 775.000 đồng;
- Lần 12, ngày 20/6/2020 đóng 775.000 đồng;
- Lần 13, ngày 20/7/2020 đóng 775.000 đồng;
- Lần 14, ngày 20/8/2020 đóng 775.000 đồng;
- Lần 15, ngày 20/9/2020 đóng 800.000 đồng;
- Lần 16, ngày 20/10/2020 đóng 779.000 đồng;
- Lần 17, ngày 20/11/2020 đóng 785.000 đồng;
- Lần 18, ngày 20/12/2020 đóng 795.000 đồng;
- Lần 19, ngày 20/01/2021 đóng 765.000 đồng;
- Lần 20, ngày 20/02/2021 đóng 750.000 đồng;
- Lần 21, ngày 20/03/2021 đóng 700.000 đồng;
- Lần 22, ngày 20/04/2021 đóng 675.000 đồng;
- Lần 23, ngày 20/05/2021 đóng 650.000 đồng;
- Lần 24, ngày 20/06/2021 đóng 650.000 đồng;
- Lần 25, ngày 20/07/2021 đóng 625.000 đồng;
- Lần 26, ngày 20/08/2021 đóng 600.000 đồng;

Lần 27, ngày 20/09/2021 đóng 600.000 đồng;

Lần 28, ngày 20/10/2021 đóng 500.000 đồng;

Lần 29, ngày 20/11/2021 đóng 300.000 đồng;

Lần 30, ngày 20/12/2021 đóng 300.000 đồng;

Tổng cộng 30 lần, ông Đỗ Văn S đã đóng hui cho bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D số tiền 19.937.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2024, ông Đỗ Văn S yêu cầu bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D trả lại số tiền hui 42.000.000 đồng, nay ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền hui 22.063.000 đồng, ông S chỉ yêu cầu bà P có trách nhiệm trả 9.968.500 đồng, ông D có trách nhiệm trả số tiền hui 9.968.500 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Bà Huỳnh Thị P có làm chủ dây hui 1.000.000 đồng, mở ngày 20/8/2019, gồm 41 chung, ông Đỗ Văn S tham gia 01 chung, đóng được 29 kỳ với số tiền 11.900.000 đồng. Khi mở hui, bà P ghi tên ông trong danh sách hui và giao hui cho các hui viên. Mặc dù ông không làm chủ hui nhưng khi hui viên đến góp hui thì ông có nhận. Số tiền hoa hồng từ hui thì bà P cũng sử dụng để chi xài sinh hoạt trong gia đình. Nay ông S yêu cầu bà P có trách nhiệm trả 9.968.500 đồng, ông có trách nhiệm trả số tiền hui 9.968.500 đồng, do ông và bà Huỳnh Thị P đã ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long giải quyết bằng quyết định số 177/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 nên ông đồng ý trả cho ông S phân nửa số tiền hui ông S đã đóng là 5.950.000 đồng, nhưng ông tự nguyện đồng ý trả cho ông S số tiền 7.000.000 đồng, đối với phần hui lãi ông xin ông S không lấy vì hui đã vỡ, gia đình ông cũng khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn bà Huỳnh Thị P chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S đối với bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D. Buộc ông Lê Văn D trả cho ông Đỗ Văn S số tiền hui 7.000.000 đồng, buộc bà Huỳnh Thị P trả cho ông Đỗ Văn S số tiền hui 4.900.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 22.063.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 8.037.000 đồng. Về án phí, đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đỗ Văn S khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P trả số tiền hui 19.937.000 đồng nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi khởi kiện bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D cư trú tại ấp D, xã P, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Huỳnh Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Đỗ Văn S yêu cầu ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P trả lại số tiền hui 42.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 22.063.000 đồng. Xét thấy việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui 22.063.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S yêu cầu ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P mỗi người trả số tiền hui 9.968.500 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông S có cung cấp bản photo danh sách hui, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì bà P có mở dây hui 1.000.000 đồng, mở ngày 20/8/2019, gồm 41 chung, ông Đỗ Văn S tham gia 01 chung, đóng được 30 kỳ với số tiền 19.937.000 đồng. Bị đơn ông Huỳnh Văn D1 xác định ông S có tham gia 01 chung dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 20/8/2019 và đóng được 29 kỳ với số tiền 11.900.000 đồng. Khi mở hui, bà P ghi tên ông trong danh sách hui và giao hui cho các hui viên. Mặc dù ông không làm chủ hui nhưng khi hui viên đến góp hui thì ông có nhận tiền. Số tiền hoa hồng từ hui thì bà P cũng sử dụng để chi xài sinh hoạt trong gia đình. Hiện nay, dây hui này đã bị vỡ. Từ đó, có cơ sở xác định ông Đỗ Văn S có tham gia 01 chung của dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 20/8/2024 do bà Huỳnh Thị P và ông Lê Văn D làm chủ là có xảy ra trên thực tế. Về số tiền hui đã đóng các bên có tranh chấp, người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn S có yêu cầu xác minh bà Nguyễn Thị H, bà Võ Thị X, bà Võ Thị L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2025, bà H, bà X và bà L đều xác định không nhớ số tiền đóng hui của từng kỳ mở hui. Ngoài lời trình bày thì ông Đỗ Văn

S không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh đã đóng cho bị đơn được 29 kỳ hui với số tiền 19.937.000 đồng. Vì vậy, căn cứ trên sự thừa nhận của bị đơn ông Lê Văn D thì ông Đỗ Văn S đã đóng được số tiền hui 11.900.000 đồng, do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S yêu cầu ông D và bà P trả số tiền hui 11.900.000 đồng, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông S yêu cầu ông D và bà P trả số tiền hui 8.037.000 đồng.

Tại quyết định số 177/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đã giải quyết cho bà Huỳnh Thị P ly hôn với ông Lê Văn D. Vì vậy, ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P mỗi người có trách nhiệm $\frac{1}{2}$ đối với số tiền nợ hui của ông Đỗ Văn S. Tuy nhiên, tại biên bản lời khai ngày 24/4/2025 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/4/2025 ông D đồng ý trả cho ông S số tiền 7.000.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D, buộc ông D trả cho ông S số tiền hui 7.000.000 đồng, buộc bà P trả cho ông S số tiền hui 4.900.000 đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 18 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S đối với ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P về tranh chấp hui. Buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn S số tiền hui 7.000.000 đồng, buộc bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn S số tiền hui 4.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S về yêu cầu ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P trả số tiền hụi 22.063.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn S về yêu cầu ông Lê Văn D và bà Huỳnh Thị P trả số tiền hụi 8.037.000 đồng.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn S phải chịu số tiền 402.000 đồng. Ông Đỗ Văn S đã nộp tạm ứng số tiền 1.050.000 đồng theo Biên lai số 0003057 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu. Sau khi đối trừ số tiền án phí phải nộp, ông Đỗ Văn S được hoàn lại số tiền 648.000 đồng.

Ông Lê Văn D phải chịu số tiền án phí 350.000 đồng, bà Huỳnh Thị P phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hồng Đào

3. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuyết Kha Mai Quốc Bảo Nguyễn Hồng Đào

